TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 92/2022/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 22 tháng 04 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 03 năm 2022 giữa:

+ *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Hải Y**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà B, đường T, Thôn k, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

+ *Bị đơn*: Ông **Mai Anh K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà H, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Hải Y và ông Mai Anh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Hải Y và ông Mai Anh K thống nhất thuận tình ly hôn.

+ *Về con chung*: Vợ chồng thỏa thuận giao con chung tên là Mai Trần Khả H, sinh ngày 27/09/2018 cho bà Y nuôi. Ông K có trách nhiệm cấp dưỡng để bà Y nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/05/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Quyền thay đổi người nuôi con, quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

+ *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí:* Bà Trần Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc (ly hôn) là 150.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ theo biên lai thu số 0004931 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho bà Y số tiền tạm ứng án phí dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Mai Anh K phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Vks nhân dân Tp. B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Xuân